

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN**

ODP IV # \_\_\_\_\_

Date: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120  
Thailand

**A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản**

1. Name  
Họ, tên : NGUYỄN - VĂN - PHÁT Sex: NAM
2. Other Names  
Họ, tên khác : KHÔNG CÓ
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : 03 - 08 - 1949
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : 462 DƯỜNG BA TRẠC - F1 - G8
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tử : \_\_\_\_\_
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại : TÀI XẾ XE TÀI

**B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên          | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia-đình |
|--------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. TÔNG THỊ NGÀ          | 29-08-1953                           | SAIGON                     | NỮ          | CÓ CHỒNG                  | VỢ                               |
| 2. TÔNG THỊ KHÁNH TRANG  | 7-10-1975                            | SAIGON                     | NỮ          | ĐỘC THÂN                  | CON                              |
| 3. NGUYỄN THUY NGOC TRAM | 2-7-1975                             | SAIGON                     | NỮ          | ĐỘC THÂN                  | CON                              |
| 4. NGUYỄN ĐÌNH CHUÔNG    | 24-4-1985                            | SAIGON                     | NAM         | ĐỘC THÂN                  | CON                              |
| 5.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 6.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 7.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 8.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 9.                       |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 10.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 11.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |
| 12.                      |                                      |                            |             |                           |                                  |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

B. Relative Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.  
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name  
Họ, Tên : NGUYEN - TAN . TAI

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình : EM RUOT

c. Address  
Địa-chỉ : LOS ANGELES USA

d. Date of Relatives Arrival  
in the U.S.  
Ngày bà con đến Mỹ : KHONG NHO

2. Closest Relative in Other Foreign Countries  
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name  
Họ, tên :

b. Relationship  
Liên-hệ gia-đình :

c. Address  
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father  
Cha : NGUYEN VAN VINH CHET

2. Mother  
Mẹ : BAO THI HOA TAI DANG CHET

3. Spouse  
Vợ/Chồng : TUNG THI NGA

4. Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có): KHONG CO

5. Children  
Con cái: (1) TUNG THI KHANH TRANG

(2) NGUYEN THUY NGOC TRAM

(3) NGUYEN DINH CHUONG

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings  
Anh chị em: (1) NGUYEN THI QUOI

(2) NGUYEN THI TAN

(3) NGUYEN CONG THANH

(4) NGUYEN XUAN NHAI

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

2. Employee Name  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời-gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-Thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý-do nghỉ-việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name  
Tên Họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
  
Position title  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
  
Agency/Company/Office  
Sở/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
  
Name of American Supervisor  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
  
Reason for Separation  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving  
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN VĂN PHÁT

2. Dates: From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Ngày, tháng, năm Từ 1968 Đến 30 - 04 - 1975

3. Last Rank  
Cấp-bậc cuối-cùng : TRUNG SĨ Serial Number: 69A 700359  
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit  
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : GIANG-ĐOÀN BƠ XUNG - PHÒNG - HẢI-QUÂN

5. Name of Supervisor/C.O.  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan  
chỉ-huy : THIỆU TÀI NGUYỄN CHÂU GIÁM

6. Reason for Separation :  
Lý do nghi việc :
7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ  
tại Viet-Nam : KHÔNG CÓ
9. U.S. Awards or Certificates  
Name of award: \_\_\_\_\_ Date received: \_\_\_\_\_  
Phân-thưởng hoặc giấy khen: KHÔNG CÓ Ngày nhận: \_\_\_\_\_

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes      No     .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.  
Đi kèm sử có không? Có      Không     .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở  
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:  
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: NGUYỄN - VĂN - PHÁT
2. School and School Address : NAVA STATION GUAM  
Trường và địa-chỉ nhà trường :
3. Dates: From \_\_\_\_\_ To \_\_\_\_\_  
Ngày, tháng, năm Từ: 12 - 1969 Đến: 9 - 3 - 1969
4. Description of Courses :  
Mô-tả ngành học : CHUYÊN NGHIỆP - LẠI TÀU
5. Who paid for training? :  
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : CHẠNH PHU HUA - KỲ

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes      No     .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có lấy không? Có      Không     .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:  
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : NGUYỄN VĂN PHÁT
2. Time in Reeducation: From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời gian học-tập Từ: 3 NGÀY Đến: \_\_\_\_\_
3. Still in Reeducation? \* Yes      No       
Vẫn còn học-tập cải-tạo? \* Có      Không KHÔNG

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

KÉ TỪ BIẾN RỐ 1975 TẤT CẢ GIẤY TỜ, TUYÊN THÂN, CÚNG NHƯ VĂN BẰNG  
LIÊN QUAN CHẾ ĐỘ CŨ, HẸU BỊ THẤT LẠC - KINH XIN QUÝ VẤN PHÒNG  
PHU SIÊU TRẢ VÀ NẾU CÓ THỂ CẤP CHO TÔI PHÓ BẠN CHÚNG CHỈ THIỆU  
TẬP TẠI HUA KỲ - TRAN TRUNG QUÝ VẤN PHÒNG CỦA XÉT TÍNH TRẠNG  
TÔI CHO TÔI ĐƯỢC TẠO NGUYỄN HÌNH CŨ TẠI HUA KỲ

Signature: \_\_\_\_\_

Ký tên : \_\_\_\_\_

Date: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

2 8 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

2 CHỨNG MINH NHÂN DÂN

1 HỒN THƯ

3 KHAI SẠCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **020946802**

Họ tên: **TỔNG THỊ NGÀ**

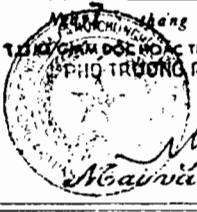
Sinh ngày: **19-8-1953**

Nguyên quán: **Hưng Hội,**

**Bắc Linh Minh Hải.**

Nơi thường trú: **462 Dương Bá**

**Trạc, TP. Hồ Chí Minh.**

|                                                                                   |               |                                                                                                           |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                     |               | Tôn giáo: Công giáo                                                                                       |  |
|  | NGÓN TRỎ TRÁI | DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH                                                                                |  |
|                                                                                   |               | Số chấm cách 1,3cm<br>trên trước đuôi máy                                                                 |  |
|  | NGÓN TRỎ PHẢI | Tháng 5 năm 1979                                                                                          |  |
|                                                                                   |               | THỦ CHỨC ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN<br>PHÒNG PHÒNG CSI                                                   |  |
|                                                                                   |               | <br>Mười<br>Mười năm Căn |  |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: **020946781**

Họ tên: **NGUYỄN VĂN PHÁP**



Sinh ngày: **3-8-1949**

Nguyên quán: **Đông Nai.**

Nơi thường trú: **62 Dương Bá-**

**Trạc TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Công Giáo

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đo chân cách 2,2cm  
trên sù mếp trái

Ngày 7 tháng 5 năm 1979

TÀI LỆNH ĐO LƯỜNG TRƯỞNG TY CÔNG AN  
PHÒNG CS1

*Khai Quyet*

THÀNH - PHỐ HỒ - CHÍ - MINH  
ỦY - BAN NHÂN DÂN C.M.  
Quận  
Phường (Xã)

# BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 646  
Năm 1976

Lập ngày 10 tháng 06 năm 1976



|                         |                                     |
|-------------------------|-------------------------------------|
| Họ tên                  | TÔNG - THI - KHÁNH - TRANG          |
| Trai hay gái            | GAI                                 |
| Ngày, tháng, năm sanh   | 07 - 10 - 1975 .                    |
| Nơi sanh                | BAO SANH VIEN, HUNG - VUONG, Quận 5 |
| Họ tên, quốc tịch cha   | NGUYỄN-VAN-PHÁT, Quốc-tịch, VN.     |
| Họ tên, quốc tịch mẹ    | TÔNG - THI - NGA, Quốc-tịch, V.N.   |
| Cha mẹ có hôn thú không | //                                  |

SAO LỤC  
Thành-phố HỒ CHÍ-MINH, ngày 10 tháng 06 năm 1976  
TDM. ỦY-VIÊN HỒ-CHÍ  
NGUYỄN-VAN-NGÂN .



ĐÓ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN NHÌ

HỘ-TỊCH

TH/3b

Số hiệu 3611

★

## TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ba (1953)

|                            |                                                                         |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . . .  | TONG THI NGA                                                            |
| Phái . . . . .             | Nữ                                                                      |
| Ngày sanh . . . . .        | Mai mươi chín tháng tam năm một<br>ngàn chín trăm năm mươi ba - 14gio15 |
| Nơi sanh. . . . .          | Saigon, 53 Douaumont                                                    |
| Tên, họ người Cha. . . . . | TONG THE BUU<br>khai nhin đưa nhỏ là con                                |
| Tuổi . . . . .             | //                                                                      |
| Nghề-nghiệp. . . . .       | Tai xe                                                                  |
| Nơi cư-ngụ . . . . .       | Saigon, 348/51 Belgique                                                 |
| Tên, họ người Mẹ . . . . . | LE THI YEU                                                              |
| Tuổi. . . . .              | //                                                                      |
| Nghề-nghiệp . . . . .      | Nhi tro                                                                 |
| Nơi cư-ngụ . . . . .       | Saigon, 348/51 Belgique                                                 |
| Vợ chánh hay thứ. . . . .  | //                                                                      |



Lâm tại Saigon, ngày 4 tháng 9 năm 1953

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 18 tháng 8 năm 1972

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NHÌ

KT.

1972

Qui déclare expressément  
être le père de cet enfant  
et vouloir le reconnaître.

Signé: Vinh,

Qui déclare expressément  
être la mère de cet enfant  
et vouloir le reconnaître.

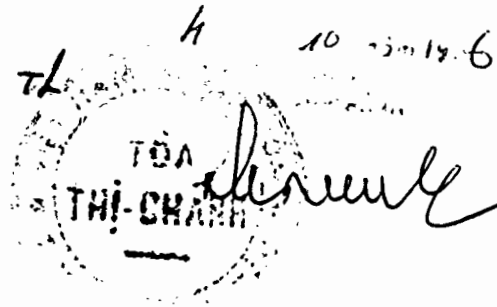
Signé: Đăng,

**TRÍCH Y BỘ:**

Thăng-Tam, ngày 3-10-1966  
P. Chủ-Tịch UBHC Khu-Phổ  
kiểm tra Viên Hộ-Tịch,



TA-TRINH-KITT



|                      |                          |
|----------------------|--------------------------|
| Tên, họ ấu n:        | NGUYỄN-VĂN-PHÁT          |
| Phái:                | Masculin                 |
| Sinh:                | Le 3 Août 1949 à 3h.     |
| (Ngày, tháng năm)    | Thăng-Tam Cap St-Jacques |
| Tại:                 | Nguyễn-văn-Vinh          |
| Cháu:                | //                       |
| (Tên họ)             | //                       |
| Tuổi:                | //                       |
| Nghề-nghiep:         | Journalier               |
| Cư-trú tại:          | Thăng-Tam                |
| Mẹ:                  | Cao-thị-Hoa tự Đăng      |
| (Tên họ)             | //                       |
| Tuổi:                | //                       |
| Nghề-nghiep:         | Ménagère                 |
| Cư-trú tại:          | Thăng-Tam                |
| Vợ:                  | //                       |
| Người khai:          | Nguyễn-văn-Vinh          |
| (Tên họ)             | 39 ans                   |
| Tuổi:                | Journalier               |
| Nghề-nghiep:         | Thăng-Tam                |
| Cư-trú tại:          | //                       |
| Ngày khai:           | Nguyễn-văn-Tâm           |
| Người chứng tứ nhứt: | 39 ans                   |
| (Tên họ)             | Journalier               |
| Tuổi:                | Thăng-Tam                |
| Nghề-nghiep:         | Thăng-Tam                |
| Cư-trú tại:          | Lê-thị-Dậu               |
| Người chứng tứ nhì:  | 41 ans                   |
| (Tên họ)             | Journalière              |
| Tuổi:                | Thăng-Tam                |
| Nghề-nghiep:         |                          |
| Cư-trú tại:          |                          |

Cap St-Jacques, le 5 Août 1949  
Lâm tại Thăng-Tam. , ngày tháng năm

Người khai,

Hộ lại,

Nhân-chứng,

Ký tên: Vinh, Ký tên: Đố, Ký tên: Tâm, Dậu.

Mdu HT2/P3

Thành phố, tỉnh : Hà Nội

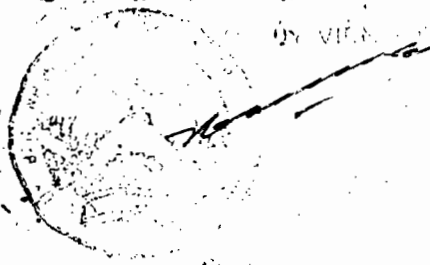
Số 72  
Quyển số 1/172

[illegible]

|                                                                                               |                                                                         |  |                                                     |     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------|-----|
| Họ và tên                                                                                     | Nguyễn Đình Cường                                                       |  | Nam, nữ                                             | Nam |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | Bảy mươi tư, tháng tư, năm một ngàn chín trăm bốn mươi tư<br>24/04/1984 |  |                                                     |     |
| Nơi sinh                                                                                      | Xã Sơn Định, Huyện Sơn Định, Tỉnh Quảng Bình                            |  |                                                     |     |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | CHA                                                                     |  | MẸ                                                  |     |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | Nguyễn Văn Phát<br>1949                                                 |  | Cộng Chí Ngai<br>1950                               |     |
| Dân tộc                                                                                       | Kinh                                                                    |  | Kinh                                                |     |
| Quốc tịch                                                                                     | Việt Nam                                                                |  | Việt Nam                                            |     |
| Nghề nghiệp                                                                                   | Bàí xó                                                                  |  | Nông gia                                            |     |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           | 46? Đường ba' 75m 46? Phường ba' 75m 46?<br>P.1 Q.8                     |  | 46? Đường ba' 75m 46? Phường ba' 75m 46?<br>P.1 Q.8 |     |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | Nguyễn Văn Phát<br>090946787                                            |  |                                                     |     |



Đã ký ngày 24 tháng 05 năm 1992  
TM/UBND Quang P Ký tên, đóng dấu  
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



**Thành phố, Tỉnh :**

**Độc lập — Tự do — Hạnh phúc**

MAN 112/123

Số 000 235

Quyền số 01

Naam 1978

[illegible]

|                                                                                              |                                                                                     |  |                                     |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------|----|
| Họ và tên                                                                                    | Đỗ Nguyễn Thủy Ngọc Trâm                                                            |  | Nam, nữ                             | Nữ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                      | Hai mươi bảy tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi tám<br>27- 9- 1978          |  |                                     |    |
| Nơi sinh                                                                                     | Xã Sơn Bích Liên huyện                                                              |  |                                     |    |
| Khai về cha, mẹ                                                                              | CHA                                                                                 |  | MẸ                                  |    |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                | Nguyễn Văn Phát<br>1943                                                             |  | Cổng Thị Nga<br>1953                |    |
| Dân tộc                                                                                      | Kinh                                                                                |  | Kinh                                |    |
| Quốc tịch                                                                                    | Việt Nam                                                                            |  | Việt Nam                            |    |
| Nghề nghiệp                                                                                  | Công nhân                                                                           |  | nội trợ                             |    |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                          | 462 Đường ba Trắc<br>phường 1 huyện 8                                               |  | 462 Đường ba Trắc<br>phường 1 huyện |    |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | Nguyễn Văn Phát sinh 1949 ngụ<br>462 Đường ba Trắc phường 1<br>huyện 8. Chỉ trả 421 |  |                                     |    |

SỐ QUẢN LÝ: 135/1A  
 CÔNG NHÂN GIỜNG Y BẢN CHÁNH  
 Xuất trình tại UBND Phường Đông  
 Ngày 6 tháng 7 năm 1987  
 UBND Phường Đông

Đã ký ngày 25 tháng 10 năm 1978  
TM/UBND Đuan 8 ký tên, đóng dấu  
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Điểm thu' kỳ!



Nguyễn Văn Khoa

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận TÁM

Số hiệu 185



# TRÍCH - LỤC CHỨNG - THƯ HÔN - THỰ

TÊN HO NGƯỜI CHỒNG NGUYỄN-VAN-PHÁT  
Nghề nghiệp Quân nhân  
Sinh ngày                      tháng                      năm 1949  
                     tại Vũng-Tàu  
cư trú tại 191 Trường-Công-Định Vũng-Tàu  
tạm trú tại                       
Tên họ cha chồng NGUYỄN-VAN-VINH  
(Sống chết phải nói)  
Tên họ mẹ chồng VÕ-THỊ-HOÀ  
(Sống chết phải nói)

TÊN HO NGƯỜI VỢ TỔNG-THỊ-NGA  
Nghề nghiệp                       
Sinh ngày                      tháng                      năm 1953  
                     tại Saigon  
cư trú tại 462 Dương-Bá-Trạc Quận 8  
tạm trú tại                       
Tên họ cha vợ TỔNG-THẾ-HỮU  
(Sống chết phải nói)  
Tên họ mẹ vợ LÊ-THỊ-YÊN  
(Sống chết phải nói)  
Ngày cưới 04 tháng 11 năm 1972

Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước /  
ngày / tháng / năm /  
tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 20 tháng 12 năm 1972



TL Quận - Trưởng Quận Tám  
Chức Hộ - Tịch



*Chanh*

1972

NGƯỜI CHỒNG NGƯỜI VỢ  
TRƯỞNG QUẬN TÁM

FROM: TÔNG THỊ NGÀ

462, ĐƯỜNG BÀ TRẠC Q. 8

Hố sơ tán tại Việt Nam

LETTRE

R  
LR1215

SARCELLES  
LOCHÈRES  
19 08 88 17H  
95200

REPUBLIQUE  
FRANCAISE  
0026-33  
POSTES  
111 8095008

R RECOMMANDÉ

MANDE



Đến với  
Bà Chúc Mui Jh  
PO BOX 5435 ARLINGTON  
VIRGINIA, 22205-0635  
U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL

C O N T R O L

\_\_\_\_ Card  
\_\_\_\_ ~~X~~ Doc. Request; Form 21/4/89  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ ODP/Date \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_ Membership; Letter